

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐÓNG TIỀN HỌC PHÍ - HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023 - 2024

- Sinh viên khẩn trương kiểm tra học phí với phòng Tài chính, phòng Đào tạo sẽ tiến hành hủy học phần chưa hoàn thành học phí vào ngày 17/10/2023.

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	MLHP	Tên học phần	Ghi chú
1	2056060049	Un Fong	21/08/1998	20ĐHKL01	011100051701	Toán cơ sở	Lào -Cam
2	2056060051	Deenoy Soulihak	17/05/2000	20ĐHKL01	011100051701	Toán cơ sở	Lào -Cam
3	2051010475	Vilay Sayyalath	05/12/1999	20ĐHQT02	010100017703	Lý thuyết xác suất - thống kê	Lào -Cam
4	2258420116	POCH LALIN	06/01/2002	22ĐHKL01	011100059902	Khí động lực học cơ bản	Lào -Cam
5	2258420117	Koam Sonita	18/11/2001	22ĐHKL01	011100059902	Khí động lực học cơ bản	Lào -Cam
6	2253410363	Phon Kimleang	17/05/2002	22ĐHQT01	010100058705	Quản trị học	Lào -Cam
7	2253410363	Phon Kimleang	17/05/2002	22ĐHQT01	010100017705	Lý thuyết xác suất - thống kê	Lào -Cam
8	2253410363	Phon Kimleang	17/05/2002	22ĐHQT01	010100010703	Nguyên lý kế toán	Lào -Cam
9	2253410363	Phon Kimleang	17/05/2002	22ĐHQT01	010100010403	Kinh tế vi mô	Lào -Cam
10	2331710128	KHOM SOCHEATA	12/12/2004	23ĐHKL03	011100004905	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
11	2331710128	KHOM SOCHEATA	12/12/2004	23ĐHKL03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
12	2331710128	KHOM SOCHEATA	12/12/2004	23ĐHKL03	011100059903	Khí động lực học cơ bản	Lào -Cam
13	2331710128	KHOM SOCHEATA	12/12/2004	23ĐHKL03	011100003003	Sân bay	Lào -Cam
14	2331710128	KHOM SOCHEATA	12/12/2004	23ĐHKL03	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
15	2331710128	KHOM SOCHEATA	12/12/2004	23ĐHKL03	010100000316	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
16	2331710129	MOM SOMAYUDA	09/03/2002	23ĐHKL03	011100004905	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
17	2331710129	MOM SOMAYUDA	09/03/2002	23ĐHKL03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
18	2331710129	MOM SOMAYUDA	09/03/2002	23ĐHKL03	011100059903	Khí động lực học cơ bản	Lào -Cam
19	2331710129	MOM SOMAYUDA	09/03/2002	23ĐHKL03	011100003003	Sân bay	Lào -Cam
20	2331710129	MOM SOMAYUDA	09/03/2002	23ĐHKL03	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
21	2331710129	MOM SOMAYUDA	09/03/2002	23ĐHKL03	010100000316	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
22	2331710130	KOAM SOMANIKA	20/05/2004	23ĐHKL03	011100004905	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
23	2331710130	KOAM SOMANIKA	20/05/2004	23ĐHKL03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
24	2331710130	KOAM SOMANIKA	20/05/2004	23ĐHKL03	011100059903	Khí động lực học cơ bản	Lào -Cam
25	2331710130	KOAM SOMANIKA	20/05/2004	23ĐHKL03	011100003003	Sân bay	Lào -Cam
26	2331710130	KOAM SOMANIKA	20/05/2004	23ĐHKL03	010100000316	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
27	2331710130	KOAM SOMANIKA	20/05/2004	23ĐHKL03	010100008304	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
28	2331710131	KUCH REAKSMEYPICH	16/05/2003	23ĐHKL03	011100004905	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
29	2331710131	KUCH REAKSMEYPICH	16/05/2003	23ĐHKL03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
30	2331710131	KUCH REAKSMEYPICH	16/05/2003	23ĐHKL03	011100059903	Khí động lực học cơ bản	Lào -Cam
31	2331710131	KUCH REAKSMEYPICH	16/05/2003	23ĐHKL03	011100003003	Sân bay	Lào -Cam
32	2331710131	KUCH REAKSMEYPICH	16/05/2003	23ĐHKL03	011100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
33	2331710131	KUCH REAKSMEYPICH	16/05/2003	23ĐHKL03	010100000316	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
34	2331710132	SEANG SORIYA	20/08/2002	23ĐHKL03	011100004905	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
35	2331710132	SEANG SORIYA	20/08/2002	23ĐHKL03	011100059903	Khí động lực học cơ bản	Lào -Cam
36	2331710132	SEANG SORIYA	20/08/2002	23ĐHKL03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam

STT	Mã SV	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	MLHP	Tên học phần	Ghi chú
37	2331710132	SEANG	SORIYA	20/08/2002	23ĐHKL03	011100003003	Sân bay	Lào -Cam
38	2331710132	SEANG	SORIYA	20/08/2002	23ĐHKL03	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
39	2331710132	SEANG	SORIYA	20/08/2002	23ĐHKL03	010100000316	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
40	2331710133	LY	GAIKSORNG	03/04/1996	23ĐHKL03	011100004905	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
41	2331710133	LY	GAIKSORNG	03/04/1996	23ĐHKL03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
42	2331710133	LY	GAIKSORNG	03/04/1996	23ĐHKL03	011100059903	Khí động lực học cơ bản	Lào -Cam
43	2331710133	LY	GAIKSORNG	03/04/1996	23ĐHKL03	011100003003	Sân bay	Lào -Cam
44	2331710133	LY	GAIKSORNG	03/04/1996	23ĐHKL03	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
45	2331710133	LY	GAIKSORNG	03/04/1996	23ĐHKL03	010100000316	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
46	2331520148	YUOS	PISETH	10/02/2004	23ĐHKT03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
47	2331520148	YUOS	PISETH	10/02/2004	23ĐHKT03	011100004906	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
48	2331520148	YUOS	PISETH	10/02/2004	23ĐHKT03	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
49	2331520148	YUOS	PISETH	10/02/2004	23ĐHKT03	010100000302	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
50	2331520148	YUOS	PISETH	10/02/2004	23ĐHKT03	011100064003	Kỹ thuật điện	Lào -Cam
51	2331520148	YUOS	PISETH	10/02/2004	23ĐHKT03	011100051705	Toán cơ sở	Lào -Cam
52	2331520149	NOV	VATANA	20/11/2003	23ĐHKT03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
53	2331520149	NOV	VATANA	20/11/2003	23ĐHKT03	011100004906	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
54	2331520149	NOV	VATANA	20/11/2003	23ĐHKT03	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
55	2331520149	NOV	VATANA	20/11/2003	23ĐHKT03	010100000302	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
56	2331520149	NOV	VATANA	20/11/2003	23ĐHKT03	011100064003	Kỹ thuật điện	Lào -Cam
57	2331520149	NOV	VATANA	20/11/2003	23ĐHKT03	011100051705	Toán cơ sở	Lào -Cam
58	2331520150	MAO	LYHOUR	27/03/2003	23ĐHKT03	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
59	2331520150	MAO	LYHOUR	27/03/2003	23ĐHKT03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
60	2331520150	MAO	LYHOUR	27/03/2003	23ĐHKT03	011100004906	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
61	2331520150	MAO	LYHOUR	27/03/2003	23ĐHKT03	010100000302	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
62	2331520150	MAO	LYHOUR	27/03/2003	23ĐHKT03	011100064003	Kỹ thuật điện	Lào -Cam
63	2331520150	MAO	LYHOUR	27/03/2003	23ĐHKT03	011100051705	Toán cơ sở	Lào -Cam
64	2331520151	PHORN	SARAVUTH	27/12/2002	23ĐHKT03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
65	2331520151	PHORN	SARAVUTH	27/12/2002	23ĐHKT03	011100004906	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
66	2331520151	PHORN	SARAVUTH	27/12/2002	23ĐHKT03	010100000302	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
67	2331520151	PHORN	SARAVUTH	27/12/2002	23ĐHKT03	011100064003	Kỹ thuật điện	Lào -Cam
68	2331520151	PHORN	SARAVUTH	27/12/2002	23ĐHKT03	011100051705	Toán cơ sở	Lào -Cam
69	2331720240	TOUWEST	SARA	04/08/2005	23ĐHNA05	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	Lào -Cam
70	2053020034	TRƯƠNG PHÚC	ANH	21/11/2002	20CĐAN01	030100059203	Giáo dục thể chất	
71	2010000046	Nguyễn Trí	Cao	10/12/2000	20CĐCK01	030100059201	Giáo dục thể chất	
72	2051010208	ĐÌNH LÊ	HIẾU	07/09/2002	20ĐHQTVT2	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
73	2031010007	Lê Dương Hoàng	Hà	21/01/2001	20ĐVQT01	010100014001	Vận tải hàng hóa HK (Air Cargo Management)	
74	2031010029	Nguyễn Đăng Hương	Giang	22/02/2001	20ĐVQT01	010100014001	Vận tải hàng hóa HK (Air Cargo Management)	
75	2155200023	LÊ ANH	KHOI	10/07/2003	21ĐHKT01	010100002211	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
76	2152210039	NGUYỄN TRẦN ANH	THƯ	18/12/2003	21ĐHNATM	010100002202	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
77	2153410053	ĐỖ THỊ NGỌC	QUYỀN	06/12/2002	21ĐHQTVT1	010100014001	Vận tải hàng hóa HK (Air Cargo Management)	
78	2153410328	ĐỖ NHẬT	THÀNH	15/01/2003	21ĐHQTVT2	011100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	MLHP	Tên học phần	Ghi chú
79	2280010016	Hà Sơn	30/05/1981	22CHQTD	060600058701	Quản trị học	
80	2258130103	Trần Hoàng Ái Xuân	20/02/2004	22ĐHDL02	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
81	2255200051	QUÁCH VINH TƯỜNG	31/08/2004	22ĐHKT02	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
82	2255200063	BUI THI KIM PHUNG	27/07/2004	22ĐHKT02	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
83	2250000049	TẠ NGỌC THANH NGÂN	15/01/2004	22ĐHKV01	011100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
84	2253440040	LÊ HUYNH HƯƠNG	07/10/2004	22ĐHNL01	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
85	2253440043	NGUYỄN PHƯƠNG THUY	03/11/2004	22ĐHNL01	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
86	2253410233	VŨ NHẬT TÂN	19/12/2003	22ĐHQT05	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
87	2254810315	Đặng Công Phước Thịnh	28/04/2004	22ĐHTT02	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
88	2254810147	NGUYỄN HUY HOÀNG	07/10/2004	22ĐHTT03	010100023307	Giáo dục thể chất-Aerobic	
89	2254810319	NGUYỄN KHÁNH HOÀNG	26/10/2004	22ĐHTT03	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
90	2254810163	LÊ HOÀNG LONG	06/08/2004	22ĐHTT04	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic	
91	2254810187	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH ĐOAN	14/09/2004	22ĐHTT04	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic	
92	2254810192	TRẦN HUY HOÀNG	10/02/2004	22ĐHTT04	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
93	2254810321	Trịnh Nguyên Khang	10/09/2004	22ĐHTT04	010100023307	Giáo dục thể chất-Aerobic	
94	2254810208	LÊ TRỌNG NGHĨA HÙNG	10/05/2004	22ĐHTT05	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic	
95	2254810224	Nguyễn Văn Quốc Bôn	04/01/2004	22ĐHTT05	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
96	2254810266	LƯ HOÀNG MINH HIẾU	01/05/2004	22ĐHTT06	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
97	2254810273	Đoàn Thạch Hồ Anh	21/02/2004	22ĐHTT06	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
98	2254810275	Trần Phương Uyên	14/10/2004	22ĐHTT06	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
99	2254810277	Đặng Quang Phúc	23/12/2004	22ĐHTT06	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
100	2254810279	BUI KHÁNH MINH	09/10/2004	22ĐHTT06	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
101	2254810288	NGUYỄN QUỐC DŨNG	18/04/2004	22ĐHTT06	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
102	2254810291	NGUYỄN ĐOÀN MINH THƯƠNG	28/11/2004	22ĐHTT06	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
103	2341820004	Trần Vũ Quang Phi	10/04/2001	23CĐAN01	030100022801	Pháp luật	
104	2341840011	Lê Đình Thi	20/11/2002	23CĐCK01	030100059203	Giáo dục thể chất	
105	2341840013	Nguyễn Ngọc Long	17/10/2005	23CĐCK01	030100059203	Giáo dục thể chất	
106	2341840025	Phạm Xuân Hùng	07/11/2005	23CĐCK01	030100059203	Giáo dục thể chất	
107	2341840028	Nguyễn Thị Phương Lan	11/05/2002	23CĐCK01	030100059203	Giáo dục thể chất	
108	2341840030	Phạm Nguyễn Bảo Di	02/12/2005	23CĐCK01	030100059203	Giáo dục thể chất	
109	2341820006	Nguyễn Nhựt Tiến	02/01/2003	23CĐKL01	030100059202	Giáo dục thể chất	
110	2341820022	Cao Minh Huy	12/08/2003	23CĐKL01	030100059202	Giáo dục thể chất	
111	2341820023	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/09/2005	23CĐKL01	030100059202	Giáo dục thể chất	
112	2341820024	Lưu Tổng Đại Nam	17/10/2003	23CĐKL01	030100059202	Giáo dục thể chất	
113	2341810010	Cao Phương Nhã Trúc	17/03/2005	23CĐTM01	030100059201	Giáo dục thể chất	
114	2341810014	Nguyễn Thanh Vân	12/09/2004	23CĐTM01	030100059201	Giáo dục thể chất	
115	2341810038	Nguyễn Phạm Thanh Tâm	10/12/2005	23CĐTM01	030100059201	Giáo dục thể chất	
116	2341810047	Huỳnh Hoài Phong	25/03/2005	23CĐTM01	030100059201	Giáo dục thể chất	
117	2341810057	Hồ Nguyễn Hoàng Kim	30/07/2004	23CĐTM01	030100059201	Giáo dục thể chất	
118	2321310001	Nguyễn Roãn Dũng	01/07/1978	23CHQTCĐ	060600010401	Kinh tế vi mô	
119	2321310001	Nguyễn Roãn Dũng	01/07/1978	23CHQTCĐ	060600010501	Kinh tế vĩ mô	
120	2321310001	Nguyễn Roãn Dũng	01/07/1978	23CHQTCĐ	060600058701	Quản trị học	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	MLHP	Tên học phần	Ghi chú
121	2321310003	Lưu Khánh Linh	25/09/1978	23CHQTCĐ	060600010501	Kinh tế vĩ mô	
122	2321310003	Lưu Khánh Linh	25/09/1978	23CHQTCĐ	060600010401	Kinh tế vi mô	
123	2321310003	Lưu Khánh Linh	25/09/1978	23CHQTCĐ	060600058701	Quản trị học	
124	2321310005	Đỗ Thị Phương Thảo	15/01/2000	23CHQTCĐ	060600010501	Kinh tế vĩ mô	
125	2321310005	Đỗ Thị Phương Thảo	15/01/2000	23CHQTCĐ	060600010401	Kinh tế vi mô	
126	2321310005	Đỗ Thị Phương Thảo	15/01/2000	23CHQTCĐ	060600058701	Quản trị học	
127	2321310006	Lê Thị Diệu Thúy	22/11/1983	23CHQTCĐ	060600010501	Kinh tế vĩ mô	
128	2321310006	Lê Thị Diệu Thúy	22/11/1983	23CHQTCĐ	060600010401	Kinh tế vi mô	
129	2321310006	Lê Thị Diệu Thúy	22/11/1983	23CHQTCĐ	060600058701	Quản trị học	
130	2331720409	Nguyễn Quốc Khánh	01/09/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
131	2334330001	Võ Ngọc Trung Kiên	16/03/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
132	2334330002	NGUYỄN LÊ THẢO NGÂN	07/08/2004	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
133	2334330004	LÊ PHƯƠNG THẢO	01/07/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
134	2334330005	CAO THỊ LỢM	10/10/2000	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
135	2334330006	QUÁCH TÚ MỸ	13/07/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
136	2334330007	NGUYỄN NGỌC UYÊN NHƯ	29/06/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
137	2334330010	Nguyễn Thanh Thư	10/01/2004	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
138	2334330013	NGUYỄN THỊ CẨM CHI	15/01/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
139	2334330014	LÂM GIA KỲ	17/12/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
140	2334330018	PHAN THÀNH NAM	29/05/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
141	2334330019	Hồ Đức Anh Thi	19/08/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
142	2334330021	CAO PHƯƠNG QUYNH	01/04/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
143	2334330023	TRẦN BẢO TRÍ	06/06/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
144	2334330025	Nguyễn Lê Linh Chi	13/02/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
145	2334330026	Nguyễn Thị Phương Thảo	19/01/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
146	2334330027	Đặng Thị Hồng Lý	03/05/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
147	2334330028	Lê Ngọc Duy	04/09/2005	23ĐAQT01	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
148	2334330028	Lê Ngọc Duy	04/09/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
149	2334330031	Nguyễn Phạm Hải Yến	07/09/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
150	2334330032	Trần Thanh Nhã	15/11/2005	23ĐAQT01	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
151	2334330032	Trần Thanh Nhã	15/11/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
152	2334330033	Nguyễn Đăng Khuê	24/11/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
153	2334330033	Nguyễn Đăng Khuê	24/11/2005	23ĐAQT01	011100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
154	2334330034	Trương Thị Uyển Nhi	01/06/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
155	2334330035	Đỗ Nguyễn Thanh Thanh	09/09/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
156	2334330036	Lê Thị Linh	19/03/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
157	2334330038	Trần Thị Cẩm Trúc	13/01/2005	23ĐAQT01	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
158	2334330038	Trần Thị Cẩm Trúc	13/01/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
159	2334330039	Trần Thị Thanh Lam	02/09/2004	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
160	2334330040	Dương Hà Thuỷ Tiên	03/02/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
161	2334330041	Nguyễn Hoàng Linh Nhi	06/07/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
162	2334330042	Nguyễn Mạnh Khôi	26/02/2005	23ĐAQT01	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	

STT	Mã SV	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	MLHP	Tên học phần	Ghi chú
163	2334330042	Nguyễn Mạnh	Khôi	26/02/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
164	2334330043	Đặng Viên Nhật	Vy	21/09/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
165	2334330044	Võ Huỳnh	Linh	03/06/2004	23ĐAQT01	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
166	2334330044	Võ Huỳnh	Linh	03/06/2004	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
167	2334330045	Trần Phương	Thùy	13/11/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
168	2334330046	Trương Văn	Thanh	04/12/2004	23ĐAQT01	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
169	2334330046	Trương Văn	Thanh	04/12/2004	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
170	2331730020	NGUYỄN NGÕ	QUYNH	16/10/2005	23ĐHDL01	011100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
171	2331730027	TRẦN KIM	NGÂN	04/09/2005	23ĐHDL01	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
172	2331730034	TRẦN KHA	VY	04/02/2005	23ĐHDL01	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
173	2331730042	ĐỖ HOÀNG HIẾU	NGHI	01/08/2005	23ĐHDL01	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
174	2331730087	PHẠM THỊ THUY	VY	27/08/2005	23ĐHDL02	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
175	2331730113	HOÀNG LÊ BÌNH	AN	14/07/2005	23ĐHDL02	011100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
176	2331730119	ĐỖ QUỐC	VIỆT	29/10/2005	23ĐHDL02	011100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
177	2331730121	ĐẶNG NGỌC	PHÚT	19/04/2005	23ĐHDL02	010100008304	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
178	2331730044	Đoàn Thị Thúy	Quy	02/10/2005	23ĐHDL03	011100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
179	2331730130	NGUYỄN THỊ THU	NGUYỆT	11/12/2005	23ĐHDL03	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
180	2331730131	Nguyễn Phụng Tường	Vân	21/05/2005	23ĐHDL03	010100002017	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
181	2331730139	LÊ HOÀNG BÍCH	THY	13/02/2005	23ĐHDL03	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
182	2331730154	Lê Ngọc Tường	Vân	11/04/2004	23ĐHDL03	011100008303	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
183	2331730155	LƯU HOÀNG	ĐỨC	04/09/2004	23ĐHDL03	011100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
184	2331510028	ĐỖ TIẾN	MINH	01/01/2005	23ĐHĐT01	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
185	2331510056	Phạm Việt	Hòa	01/01/2005	23ĐHĐT01	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
186	2331510060	NGUYỄN VĂN	THÁI	13/08/2005	23ĐHĐT01	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
187	2331510064	PHẠM BẢO	ĐẶNG	30/06/2005	23ĐHĐT01	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
188	2331510069	Phạm Nhật	Mỹ	16/03/2005	23ĐHĐT01	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
189	2331510071	Hoàng Thị Kiều	Trinh	26/06/2004	23ĐHĐT01	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
190	2331710028	Lê Nguyễn Huy	Hoàng	19/08/2005	23ĐHKL01	011100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
191	2331710096	VÕ NGỌC THỰC	NGHI	13/09/2005	23ĐHKL02	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
192	2331710020	NGUYỄN TẤN	HÙNG	22/12/2005	23ĐHKL03	011100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
193	2331710134	LÊ MINH	HÙNG	14/09/2005	23ĐHKL03	011100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
194	2331710141	LÝ QUANG	NHẬT	17/10/2005	23ĐHKL03	011100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
195	2331710149	ĐỖ THÁI	MY	07/02/2005	23ĐHKL03	011100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
196	2331520058	TRẦN QUỐC	BẢO	25/11/2005	23ĐHKT01	011100008303	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
197	2331520067	Ngô Văn	Huy	15/11/2005	23ĐHKT02	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
198	2331520068	ĐỒNG VĂN	PHU	08/02/2005	23ĐHKT02	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
199	2331520076	LÊ VĂN	NGHĨA	18/01/2005	23ĐHKT02	010100008304	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
200	2331520082	Lê Ngô Tuấn	Duy	16/02/2005	23ĐHKT02	011100008303	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
201	2331520095	TRẦN HOÀI	NAM	09/02/2005	23ĐHKT02	011100008305	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
202	2331520096	Đinh Phạm Quang	Trí	17/08/2004	23ĐHKT02	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
203	2331520099	NGUYỄN TRẦN GIA	BẢO	30/06/2005	23ĐHKT02	011100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
204	2331520101	ĐINH GIA	HUY	24/01/2005	23ĐHKT02	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	MLHP	Tên học phần	Ghi chú
205	2331520109	Bùi Hoàng Huy	28/07/2005	23ĐHKT02	011100008303	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
206	2331520114	VÕ LÊ KHANG	20/01/2005	23ĐHKT02	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
207	2331520092	TRẦN NGÕ NHÂN KIẾT	27/05/2005	23ĐHKT03	011100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
208	2331520094	NGUYỄN TẤN THÀNH	21/03/2005	23ĐHKT03	011100008303	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
209	2331520120	Lương Nguyễn Tấn Hưng	09/03/2005	23ĐHKT03	011100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
210	2331520129	TRƯƠNG HUỖNH HƯƠNG	20/06/2005	23ĐHKT03	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
211	2331520137	PHAN TRẦN LAN VI	28/11/2005	23ĐHKT03	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
212	2331520144	LÊ TRỌNG BẢO DUY	21/06/2005	23ĐHKT03	010100008304	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
213	2331520151	PHORN SARAVUTH	27/12/2002	23ĐHKT03	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
214	2331520156	HỒ CÔNG DANH	29/03/2005	23ĐHKT03	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
215	2331520157	Tăng Thế Tuấn Kiệt	01/06/2005	23ĐHKT03	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
216	2331740002	ĐINH VĂN HOÀNG VŨ	22/09/2005	23ĐHKV01	010100023306	Giáo dục thể chất-Aerobic	
217	2331740007	TRỊNH MINH KHÔI	14/10/2005	23ĐHKV01	010100023311	Giáo dục thể chất-Aerobic	
218	2331740021	TRẦN DƯƠNG ANH THƯ	28/04/2005	23ĐHKV01	010100023312	Giáo dục thể chất-Aerobic	
219	2331740024	HỒ KIẾN VĂN	08/07/2005	23ĐHKV01	010100023311	Giáo dục thể chất-Aerobic	
220	2331740032	TRẦN THUY TRANG	26/10/2005	23ĐHKV01	010100023306	Giáo dục thể chất-Aerobic	
221	2331740036	ĐỖ TIẾN THÀNH	04/09/2005	23ĐHKV01	010100023312	Giáo dục thể chất-Aerobic	
222	2331740281	NGUYỄN PHẠM DUY NHẬT	31/10/2005	23ĐHKV01	010100023306	Giáo dục thể chất-Aerobic	
223	2331740059	TRẦN ĐỨC THÔNG	05/04/2005	23ĐHKV02	010100023311	Giáo dục thể chất-Aerobic	
224	2331740060	NGUYỄN THỊ HƯƠNG MƠ	29/01/2005	23ĐHKV02	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
225	2331740067	NGUYỄN TRỌNG NINH	14/12/2005	23ĐHKV02	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
226	2331740068	Nguyễn Văn Minh	10/05/2005	23ĐHKV02	010100023311	Giáo dục thể chất-Aerobic	
227	2331740073	NGUYỄN THÀNH DUY	16/05/2005	23ĐHKV02	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
228	2331740074	Lâm Đông Thắng	06/05/2005	23ĐHKV02	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
229	2331740092	Mai Thị Thùy Dung	06/08/2005	23ĐHKV02	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
230	2331740096	Nguyễn Hồng Phúc	22/01/2005	23ĐHKV02	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
231	2331740099	Phạm Đại Dũng	14/06/2005	23ĐHKV02	010100023311	Giáo dục thể chất-Aerobic	
232	2331740286	ĐOÀN NGUYỄN THẢO QUYÊN	22/07/2004	23ĐHKV02	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
233	2331740130	ĐẶNG LƯƠNG HẢI ANH	19/07/2005	23ĐHKV03	010100023311	Giáo dục thể chất-Aerobic	
234	2331740146	TRƯƠNG LƯƠNG THÁI HÀ	27/01/2005	23ĐHKV03	010100023311	Giáo dục thể chất-Aerobic	
235	2331740151	TRƯƠNG ĐÌNH THIÊN PHÚC	27/12/2005	23ĐHKV03	010100023311	Giáo dục thể chất-Aerobic	
236	2331740158	TRƯƠNG VŨ NGỌC LOAN	21/07/2005	23ĐHKV03	010100023312	Giáo dục thể chất-Aerobic	
237	2331740287	PHẠM THỊ THUY DUNG	02/01/2005	23ĐHKV03	010100023311	Giáo dục thể chất-Aerobic	
238	2331740190	Trương Nguyễn Nhi	14/06/2005	23ĐHKV04	010100023306	Giáo dục thể chất-Aerobic	
239	2331740197	Trần Thanh Phúc	30/03/2005	23ĐHKV04	010100023312	Giáo dục thể chất-Aerobic	
240	2331740215	NGUYỄN CHÍ DŨNG	10/02/2005	23ĐHKV05	010100023312	Giáo dục thể chất-Aerobic	
241	2331740241	NGÕ NGUYỄN TUẤN MINH	04/07/2005	23ĐHKV05	010100074610	Triết học Mác Lênin	
242	2331740241	NGÕ NGUYỄN TUẤN MINH	04/07/2005	23ĐHKV05	010100000304	Pháp luật đại cương	
243	2331740241	NGÕ NGUYỄN TUẤN MINH	04/07/2005	23ĐHKV05	010100010410	Kinh tế vi mô	
244	2331740241	NGÕ NGUYỄN TUẤN MINH	04/07/2005	23ĐHKV05	010100010705	Nguyên lý kế toán	
245	2331740241	NGÕ NGUYỄN TUẤN MINH	04/07/2005	23ĐHKV05	010100080805	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	
246	2331740241	NGÕ NGUYỄN TUẤN MINH	04/07/2005	23ĐHKV05	010100023312	Giáo dục thể chất-Aerobic	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	MLHP	Tên học phần	Ghi chú
247	2331740241	NGÔ NGUYỄN TUẤN MINH	04/07/2005	23ĐHKV05	010100109301	Địa lý vận tải	
248	2331740252	TRỊNH THU NGÀ	03/02/2005	23ĐHKV05	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
249	2331720010	Nguyễn Thị Ngọc Hân	17/01/2005	23ĐHNA01	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
250	2331720029	LÊ HOÀNG MẠNH HIẾU	25/07/2005	23ĐHNA01	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
251	2331720034	HỒ THANH LÂM	11/09/2005	23ĐHNA01	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
252	2331720043	ĐÌNH KIM NGỌC	18/06/2005	23ĐHNA01	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
253	2331720049	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG NY	15/08/2005	23ĐHNA01	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
254	2331720422	Trần Thiên Thư	11/01/2005	23ĐHNA01	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
255	2331720425	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/07/2005	23ĐHNA01	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
256	2331720061	TRIỆU VŨ LIÊM HÂN	27/10/2005	23ĐHNA02	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
257	2331720063	NGUYỄN ĐỨC ANH	08/02/2005	23ĐHNA02	010100023306	Giáo dục thể chất-Aerobic	
258	2331720066	PHẠM HỒNG ANH	11/03/2005	23ĐHNA02	010100023306	Giáo dục thể chất-Aerobic	
259	2331720069	ĐẶNG PHẠM KHÁNH NGỌC	04/11/2004	23ĐHNA02	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
260	2331720162	TRẦN THỊ Y PHỤNG	08/03/2005	23ĐHNA03	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic	
261	2331720405	Trần Hồng Hân	20/08/2005	23ĐHNA03	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic	
262	2331720186	NGUYỄN NGỌC YẾN	24/08/2005	23ĐHNA04	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
263	2331720196	TRƯƠNG GIA LINH	11/04/2005	23ĐHNA04	010100023307	Giáo dục thể chất-Aerobic	
264	2331720208	LÊ THANH THIÊN	06/05/2005	23ĐHNA04	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
265	2331720408	Nguyễn Phương Thanh Vy	04/07/2005	23ĐHNA04	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
266	2331720440	Ngô Nguyễn Hiền Trang	18/11/2005	23ĐHNA04	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
267	2331720464	Lê Thị Hoài Yến	01/01/2005	23ĐHNA04	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
268	2331720225	BUI THIÊN TÀI	30/08/2005	23ĐHNA05	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
269	2331720250	VÕ NGUYỄN MỸ KIM	07/11/2005	23ĐHNA05	010100023312	Giáo dục thể chất-Aerobic	
270	2331720254	TRƯƠNG ĐÀO ÁNH NHƯ	22/08/2005	23ĐHNA05	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
271	2331720265	Phạm Thị Như Thùy	21/11/2005	23ĐHNA05	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
272	2331720413	LÝ NGUYỄN MINH HUY	01/12/2005	23ĐHNA05	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
273	2331720293	NGUYỄN LÝ YẾN VY	27/05/2005	23ĐHNA06	010100023307	Giáo dục thể chất-Aerobic	
274	2331720299	Nguyễn Duy Quang	29/12/2005	23ĐHNA06	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
275	2331720309	Đình Nguyễn Thái Hoàng	20/08/2005	23ĐHNA06	010100023307	Giáo dục thể chất-Aerobic	
276	2331720317	NGUYỄN TRỌNG MINH THÔNG	06/12/2005	23ĐHNA06	010100023307	Giáo dục thể chất-Aerobic	
277	2331720321	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	05/11/2005	23ĐHNA06	010100023307	Giáo dục thể chất-Aerobic	
278	2331720325	Nguyễn Việt Hùng	10/05/2005	23ĐHNA06	010100023307	Giáo dục thể chất-Aerobic	
279	2331720326	Trần Nguyễn Thiên Thanh	27/11/2005	23ĐHNA06	010100023307	Giáo dục thể chất-Aerobic	
280	2331720330	Bạch Duy Nguyên	19/05/2005	23ĐHNA06	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
281	2331720334	Phạm Lê Minh Thư	08/08/2005	23ĐHNA06	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
282	2331720447	Thân Thị Minh Nguyệt	07/06/2005	23ĐHNA06	010100023307	Giáo dục thể chất-Aerobic	
283	2331720353	Phạm Duy Tiến	25/11/2005	23ĐHNA07	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
284	2331720360	Nguyễn Thị Phương Anh	12/05/2005	23ĐHNA07	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic	
285	2331720367	Đỗ Thị Như Nguyệt	17/10/2005	23ĐHNA07	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
286	2331720368	Hồ Lê Nhật An	19/04/2005	23ĐHNA07	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
287	2331720369	Khuur Nhật Cẩm	22/09/2005	23ĐHNA07	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
288	2331720376	Nguyễn Trần Minh Anh	18/01/2005	23ĐHNA07	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	

STT	Mã SV	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	MLHP	Tên học phần	Ghi chú
289	2331720377	Phạm Thiên	Phúc	19/08/2005	23ĐHNA07	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
290	2331720387	Nguyễn Phúc Hoàng	Long	02/02/2005	23ĐHNA07	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
291	2331720455	Nguyễn Huyền	Trân	10/05/2005	23ĐHNA07	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
292	2331320071	Lê Như	Quỳnh	03/07/2004	23ĐHNL02	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
293	2331320095	TRẦN THƯ	KY	23/01/2005	23ĐHNL02	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
294	2331320129	ĐẶNG TRẦN YẾN	VY	01/04/2005	23ĐHNL03	010100002215	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
295	2331320142	TRÌNH LÊ TUẤN	ANH	13/01/2005	23ĐHNL03	010100002215	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
296	2331320147	NGUYỄN MỸ	ANH	19/12/2005	23ĐHNL03	010100002215	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
297	2331320151	PHAN NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	15/05/2005	23ĐHNL03	010100058712	Quản trị học	
298	2331320151	PHAN NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	15/05/2005	23ĐHNL03	010100017712	Lý thuyết xác suất - thống kê	
299	2331320151	PHAN NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	15/05/2005	23ĐHNL03	010100074611	Triết học Mác Lênin	
300	2331320151	PHAN NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	15/05/2005	23ĐHNL03	010100000309	Pháp luật đại cương	
301	2331320151	PHAN NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	15/05/2005	23ĐHNL03	010100010417	Kinh tế vi mô	
302	2331320164	NGUYỄN KHÁNH	LY	27/08/2005	23ĐHNL03	010100002215	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
303	2331320174	VÕ BẢO	NGỌC	03/06/2005	23ĐHNL03	010100002215	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
304	2331320180	TRẦN THỊ NHƯ	HUYỀN	14/09/2005	23ĐHNL03	010100002211	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
305	2331320201	NGUYỄN THỊ AI	MY	13/12/2005	23ĐHNL03	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
306	2331320049	Nguyễn Anh	Thư	01/03/2005	23ĐHNL04	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
307	2331320182	TRẦN NGUYỄN VŨ	TÀI	17/06/2005	23ĐHNL04	010100002207	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
308	2331530095	Mai Nguyễn Thuý	Vi	23/09/2005	23ĐHNL04	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
309	2331310042	TRẦN TÚ	QUYÊN	14/01/2005	23ĐHQT01	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
310	2331310551	Nguyễn Thị Xuân	Hồng	23/03/2005	23ĐHQT01	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
311	2331310095	PHAN THỊ LAN	ANH	25/09/2005	23ĐHQT02	010100002210	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
312	2331310529	Lê Phương	Uyên	09/03/2005	23ĐHQT02	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
313	2331310530	Nguyễn Võ Ngân	Hà	21/07/2004	23ĐHQT02	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
314	2331310150	PHẠM TRẦN CHÍ	HƯNG	29/11/2005	23ĐHQT03	010100002207	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
315	2331310157	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	03/02/2005	23ĐHQT03	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
316	2331310168	Lê Lâm Anh	Thư	06/06/2005	23ĐHQT03	010100152601	Principles of Business Statistics	
317	2331310168	Lê Lâm Anh	Thư	06/06/2005	23ĐHQT03	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
318	2331310556	Nguyễn Trần Quế	Trân	15/04/2005	23ĐHQT03	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
319	2331310570	Huỳnh Thị Phương	Thảo	18/06/2005	23ĐHQT03	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
320	2331310571	Nguyễn Phan Minh	Hạnh	27/12/2005	23ĐHQT03	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
321	2331310595	PHÙNG MAI	CHANG	16/12/2005	23ĐHQT03	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
322	2331310191	NGUYỄN THỊ UYÊN	NHI	13/04/2005	23ĐHQT04	010100002202	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
323	2331310192	NGUYỄN MINH	QUANG	15/01/2005	23ĐHQT04	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
324	2331310199	VÕ NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	17/04/2005	23ĐHQT04	010100002211	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
325	2331310218	NGUYỄN GIANG	NAM	02/09/2005	23ĐHQT04	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
326	2331310221	NGUYỄN TRẦN ANH	NGUYỄN	23/10/2005	23ĐHQT04	010100002202	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
327	2331310558	Nguyễn Như	Nguyệt	29/10/2005	23ĐHQT04	010100002211	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
328	2331310598	Nguyễn Hoàng Minh	Anh	25/10/2005	23ĐHQT04	010100002211	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
329	2331310247	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	VY	05/01/2005	23ĐHQT05	010100002210	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
330	2331310293	VÕ THỊ KHÁNH	QUYÊN	02/09/2005	23ĐHQT05	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	MLHP	Tên học phần	Ghi chú
331	2331310294	VÕ THỊ KHÁNH PHƯƠNG	18/08/2004	23ĐHQT05	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
332	2331310313	NGUYỄN THỊ KIM THOA	02/08/2005	23ĐHQT06	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
333	2331310343	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG TRÂM	05/08/2005	23ĐHQT06	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
334	2331310346	VÕ THANH TUYẾN	19/10/2005	23ĐHQT06	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
335	2331310350	NGÔ HUYỀN ĐIỀU	13/10/2004	23ĐHQT06	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
336	2331310353	LÊ ĐỖ HOÀNG ĐÔNG	14/11/2005	23ĐHQT07	010100002210	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
337	2331310359	NGUYỄN HOÀNG HẢI YẾN	03/10/2005	23ĐHQT07	010100002211	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
338	2331310361	LƯU NGỌC PHƯƠNG THẢO	29/08/2005	23ĐHQT07	010100002210	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
339	2331310371	TRẦN NHƯ NGỌC NGÀ	27/05/2005	23ĐHQT07	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
340	2331310382	NGUYỄN MỸ QUỲNH TRÂM	17/08/2005	23ĐHQT07	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
341	2331310389	PHẠM TUẤN KHOA	17/01/2005	23ĐHQT07	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
342	2331310394	DƯƠNG GIA ANH	21/09/2005	23ĐHQT07	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
343	2331310396	NGUYỄN HẢI LÂM	04/11/2005	23ĐHQT07	010100002210	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
344	2331310399	TÔ HỒNG ANH	26/02/2005	23ĐHQT07	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
345	2331310406	Võ Đức Anh Nam	25/12/2004	23ĐHQT07	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
346	2331310539	Nguyễn Minh Hải Trúc	09/01/2005	23ĐHQT07	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
347	2331310604	Bùi Thị Trần Uyên	11/05/2005	23ĐHQT07	010100002210	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
348	2331310418	HOÀNG LAN	28/10/2005	23ĐHQT08	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
349	2331310437	NGUYỄN HỒNG ANH	19/01/2005	23ĐHQT08	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
350	2331310443	NGUYỄN MINH CHÍ HÀO	12/08/2005	23ĐHQT08	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
351	2331310444	TRẦN LÝ THU NGÂN	06/01/2005	23ĐHQT08	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
352	2331310452	NGUYỄN MINH MÃN	14/10/2005	23ĐHQT08	010100002210	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
353	2331310456	LÊ ANH THƯ	21/01/2005	23ĐHQT08	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
354	2331310549	Lưu Huỳnh Vương Tỳ	15/02/2002	23ĐHQT08	010100002210	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
355	2331310472	Thạch Thị Kim Xuyến	28/03/2005	23ĐHQT09	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
356	2331310473	ĐÌNH NAM DU	23/10/2005	23ĐHQT09	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
357	2331310482	Nguyễn Duy Quang Thắng	14/08/2005	23ĐHQT09	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
358	2331310483	Phan Khả Hân	25/01/2005	23ĐHQT09	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
359	2331310495	Ngô Hồ Phương Thy	02/11/2005	23ĐHQT09	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
360	2331310501	Lưu Thanh Tú	11/01/2005	23ĐHQT09	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
361	2331310503	Lưu Nguyễn Minh Trí	18/02/2005	23ĐHQT09	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
362	2331310521	Nguyễn Văn Nam	19/05/2005	23ĐHQT09	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
363	2331310523	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	01/01/2005	23ĐHQT09	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
364	2331310528	Đỗ Thế Vương	16/06/2005	23ĐHQT09	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
365	2331310588	Trương Tuyết Nhi	23/01/2005	23ĐHQT09	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
366	2331530011	ĐỖ DƯƠNG THỊ THANH NGÂN	30/10/2005	23ĐHTĐ01	010100002017	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
367	2331530021	ĐỖ MẠNH HƯNG	12/05/2005	23ĐHTĐ01	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
368	2331530022	Phạm Thiên Lộc	01/04/2005	23ĐHTĐ01	011100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
369	2331530028	LƯƠNG NGUYỄN ANH KHOA	06/11/2005	23ĐHTĐ01	011100002001	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
370	2331530032	TRẦN HOÀI NHON	20/06/2005	23ĐHTĐ01	010100002017	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
371	2331530034	Đoàn Gia Bảo	22/11/2005	23ĐHTĐ01	010100002017	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
372	2331530035	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	30/06/2005	23ĐHTĐ01	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	

STT	Mã SV	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	MLHP	Tên học phần	Ghi chú
373	2331530038	Nguyễn Hoàng	Minh	01/09/2005	23ĐHTĐ01	011100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
374	2331530041	PHAN NGŨ BẢO	DUY	01/01/2005	23ĐHTĐ01	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
375	2331530053	Lê Nguyễn Triệu	Vy	14/09/2005	23ĐHTĐ02	010100002020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
376	2331530067	CÁP HỮU	VINH	10/04/2005	23ĐHTĐ02	011100002001	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
377	2331530068	Trần Đức	Thiên	02/01/2004	23ĐHTĐ02	011100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
378	2331530074	Lê Đình Hoàng	Vũ	14/08/2005	23ĐHTĐ02	011100002001	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
379	2331530083	Nguyễn Công	Trường	09/06/2005	23ĐHTĐ02	011100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
380	2331530088	Lê Huỳnh Quốc	Thái	06/05/2005	23ĐHTĐ02	011100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
381	2331530099	Lù Hiền	Nhân	06/05/2005	23ĐHTĐ02	011100002001	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
382	2331530104	Ngô Thái	Sơn	18/12/2005	23ĐHTĐ02	011100002001	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
383	2331540002	GIANG VẠN	LỘC	24/12/2005	23ĐHTT01	010100002009	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
384	2331540005	TÔ THÁI	BÌNH	15/03/2005	23ĐHTT01	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
385	2331540012	Nguyễn Trung	Dũng	02/10/2001	23ĐHTT01	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
386	2331540020	PHAN NGỌC	QUANG	27/10/2005	23ĐHTT01	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
387	2331540025	LÊ HỒNG BẠCH	NHẬT	30/06/2005	23ĐHTT01	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
388	2331540037	HÀ ANH	KHOA	17/08/2005	23ĐHTT01	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
389	2331540064	TRINH VŨ ANH	HÙNG	29/11/2005	23ĐHTT02	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
390	2331540073	HOÀNG ĐÌNH	KHAI	08/10/2005	23ĐHTT02	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
391	2331540074	Trần Gia	Nghĩa	06/03/2005	23ĐHTT02	010100002020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
392	2331540124	NGUYỄN ANH	TUẦN	05/09/2005	23ĐHTT03	010100002020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
393	2331540141	TRẦN PHẠM MINH	ĐỨC	14/02/2005	23ĐHTT03	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
394	2331540150	VŨ NGUYỄN	LONG	18/03/2005	23ĐHTT03	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
395	2331540156	Nguyễn Đoàn Mạnh	Tuấn	26/09/2005	23ĐHTT03	010100002020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
396	2331540164	NGUYỄN THÀNH	KIỆT	04/03/2005	23ĐHTT03	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
397	2331540193	Đào Lê Ngọc	Anh	15/10/2005	23ĐHTT04	010100002009	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
398	2331540203	HÀ VÕ HOÀNG	ANH	18/06/2005	23ĐHTT04	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
399	2331540205	NGUYỄN HOÀNG THÁI	BẢO	20/12/2005	23ĐHTT04	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
400	2331540214	Bạch Công	Minh	19/10/2005	23ĐHTT04	010100002017	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
401	2331540218	VŨ HUY	HOÀNG	29/09/2005	23ĐHTT04	010100002017	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
402	2331540224	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	ANH	03/01/2005	23ĐHTT04	010100002017	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
403	2331540226	Nguyễn Thế	Minh	02/02/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
404	2331540244	Nguyễn Đình Đức	Duy	03/05/2005	23ĐHTT05	010100002018	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
405	2331540245	Đỗ Ngọc	Dũng	08/07/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
406	2331540251	Trần Anh Khánh	Hoàng	10/01/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
407	2331540254	Đồng Duy	Thuận	26/05/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
408	2331540272	Lê Đức	Bảo	29/08/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
409	2331540274	Võ Thành	Luân	18/07/2005	23ĐHTT05	010100002009	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
410	2331540278	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	22/01/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
411	2331540279	Đào Đức	Anh	24/08/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
412	2331540299	Nguyễn Văn	Lâm	29/06/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
413	2331540300	Vũ Long	Bảo	02/01/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
414	2331540286	Cao Anh	Tuấn	09/02/2005	23ĐHTT06	010100002020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	

STT	Mã SV	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	MLHP	Tên học phần	Ghi chú
415	2331540288	Trịnh Minh	Tuấn	31/10/2005	23ĐHTT06	010100002020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
416	2331540324	Trần Thanh	Kiên	01/08/2005	23ĐHTT06	010100002020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
417	2331540329	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	26/04/2005	23ĐHTT06	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
418	2331540330	Bùi Ngọc	Chương	19/02/2005	23ĐHTT06	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
419	2331540346	Nguyễn Vũ Tuấn	Kiệt	25/04/2005	23ĐHTT06	010100002020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	

PHÒNG ĐÀO TẠO